

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70 /2019/DS - PT

Ngày: 13-3-2019

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Ngọt
Các Thẩm phán: Ông Phạm Kim Cúa
Ông Bùi Thế Xương

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Triệu Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 61/2019/TLPT- DS ngày 21 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 253/2018/DS - ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện P bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 73b/2019/QĐ - PT ngày 18 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1969;

Nơi cư trú: 48/2 ấp Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh Bến Tre.

- Người đại diện theo ủy quyền của bà B: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1954 (Văn bản ủy quyền ngày 07/3/2019)

Nơi cư trú: ấp T, xã H, huyện N, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Bà Bùi Thị Đ, sinh tháng 10 năm 1959;

Nơi cư trú: 75/2 ấp Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh Bến Tre.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn Đ, sinh tháng 7 năm 1959;

Nơi cư trú: 75/2 ấp Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Ông T, bà Đ có mặt. Ông Đ đã được Tòa án triệu tập dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do.

- *Người kháng cáo*: bị đơn bà Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B là ông Nguyễn Văn T trình bày:

Vào ngày 11/10/2013 bà Nguyễn Thị B có cho bà Bùi Thị Đ vay số tiền 58.000.000 đồng có làm biên nhận nợ. Ngày 02/3/2015 bà Nguyễn Thị B tiếp tục cho bà Bùi Thị Đ vay thêm số tiền 21.770.000 đồng, nhưng đến nay bà Đ vẫn chưa trả số tiền hai lần vay; tổng số tiền vay mà bà Đ nợ bà B là 79.770.000 đồng, bà B đã nhiều lần yêu cầu bà Bùi Thị Đ phải trả số tiền nợ trên nhưng bà Đ vẫn không trả. Số tiền bà Đ vay của bà B là để sử dụng vào mục đích sinh hoạt chung của gia đình, ông Nguyễn Văn Đ chồng bà Đ cũng biết việc vay này.

Bà B khởi kiện yêu cầu buộc bà Đ và ông Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền vay 79.770.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn bà Bùi Thị Đ trình bày:

Bà không có vay tiền của bà B, trước đây con gái bà có tham gia chơi hụi của bà B còn thiếu tiền hụi của bà B, nhưng bà đã đứng ra chơi một phần hụi với bà B để trừ nợ cho con của bà, xem như bà đã trả xong nợ cho con bà; Nay bà B khởi kiện yêu cầu bà và chồng bà là ông Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay 79.770.000 đồng thì bà không đồng ý trả vì bà không có vay tiền của bà B.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án sơ thẩm triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt, cũng không có văn bản nêu ý kiến về việc khởi kiện của bà Nguyễn Thị B.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện P đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 253/2018/DS-ST ngày 10/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện P, quyết định:

Căn cứ vào các khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, và Điều 147, 227, 235 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471, 473, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 463, 465, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26

của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B.

Buộc bà Bùi Thị Đ và ông Nguyễn Văn Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền 79.770.000 đồng (Bảy mươi chín triệu bảy trăm bảy mươi ngàn đồng) tiền vay.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi suất chậm trả, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10/12/2018, bị đơn bà Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do: Bà không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị B vì bà không có vay và cũng không ký tên vào biên nhận nợ do bà B cung cấp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án tổng đạt giấy triệu tập dự phiên tòa phúc thẩm đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ là đúng quy định.

Về nội dung: Tòa án sơ thẩm căn cứ vào bản tự khai của bà Bùi Thị Đ đề ngày 20/3/2018 (Bút lục số 20) có chứa đựng nội dung nợ tiền của bà B để chấp nhận yêu cầu của bà B, đồng thời buộc vợ chồng bà Điệp, ông Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà B số tiền vay tổng cộng 79.770.000 đồng là có căn cứ, bà Đ kháng cáo nhưng không có chứng cứ chứng minh tại phiên tòa phúc thẩm nên kháng cáo không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tuyên xử theo hướng không chấp nhận kháng cáo của bà Bùi Thị Đ, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 253/2018/DS-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Xét kháng cáo của bị đơn bà Đ và đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án tổng đạt giấy triệu tập dự phiên tòa phúc thẩm đến lần thứ hai

nhưng vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị B khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Văn Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền vay là 79.770.000 đồng, chứng cứ bà cung cấp cho Tòa án là 02 biên nhận nợ, biên nhận nợ vay với số tiền 58.000.000 đồng ngày 11/10/2013 có chữ ký “điệp”; biên nhận nợ số tiền 21.770.000 đồng ngày 02/3/2015 có chữ ký “điệp” và “Đ”.

[3] Bà Bùi Thị Đ không thừa nhận nợ đối với các biên nhận nợ mà bà B cung cấp, không thừa nhận có vay tiền của bà Nguyễn Thị B, không thừa nhận chữ ký trong các biên nhận nợ. Tuy nhiên, theo bản tự khai của bà Đ đề ngày 20/3/2018 (Bút lục 20) bà Đ có trình bày nội dung: *“con gái ruột tôi là Nguyễn Thị H có chơi hụi với chị 10 B và có thiếu tiền hụi của chị cho nên con tôi nó đi Sài Gòn làm trong khi đó không có đóng nên chị chửi con tôi hoài cho nên tôi lãnh số nợ đó để tôi đóng thì chỉ làm giấy bắt tôi ký tên vô để đóng hụi, cho nên tôi có ký tên lãnh trả số tiền đó, thì tôi cũng có trả lần lần, rồi con gái tôi cũng có trả cho chị 10 B số tiền đó là xong rồi...”*, điều đó cho thấy giữa bà B và bà Đ có thực hiện một giao dịch dân sự là có thật, bà Đ thừa nhận có ký tên trong biên nhận nợ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Đ cho rằng có tham gia chơi hụi với bà B để trả nợ thay cho con gái, hiện nay đã trả xong nợ hụi cho bà B, nhưng vấn đề này không được bà B thừa nhận, đồng thời bà Đ cũng không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh bà Đ có tham gia chơi hụi với bà B và đã trả xong tiền hụi thay con gái bà.

[4] Bà Nguyễn Thị B có yêu cầu giám định chữ ký bà Đ. Mặc dù, tại Kết luận giám định số 200/2018/GĐTL ngày 31/10/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre do nguyên đơn yêu cầu giám định đã kết luận: *“với tài liệu mẫu hiện tại, không đủ cơ sở kết luận chữ ký “đ” dưới mục “nhận nợ” trên mục “Biên nhận nợ vay”....; chữ ký “đ” dưới mục “người nhận”...so với mẫu chữ ký của Đ trên các tài liệu so sánh...có phải do cùng một người ký ra hay không”*. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã giải thích quyền và nghĩa vụ chứng minh của đương sự để tự bảo vệ quyền lợi, đồng thời phía nguyên đơn có yêu cầu bà Đ cung cấp mẫu chữ ký “đ” và viết thêm chữ “đ” để làm mẫu so sánh phục vụ cho giám định tiếp theo, nhưng bà Đ từ chối ký và viết chữ “đ”. Như vậy, có cơ sở xác định chữ ký “đ” trong 02 biên nhận nợ phía bà B cung cấp là do bà Đ ký, đồng thời căn cứ nội dung bản tự khai của bà Đ nêu trên, nhận thấy tòa sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B, buộc bà Đ và chồng là ông Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho bà B số tiền vay 79.770.000 đồng là có căn cứ. Bà Đ kháng cáo nhưng không có chứng cứ chứng minh tại phiên tòa phúc thẩm nên kháng cáo không có cơ sở chấp nhận.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Đ, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 253/2018/DS-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện P.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn bà Đ phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000đ nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà bà Đ đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Đ

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 253/2018/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện P.

Cụ thể tuyên:

Căn cứ vào các khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 235, 273, khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 471, 473, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 463, 465, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B.

Buộc bà Bùi Thị Đ và ông Nguyễn Văn Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền vay là 79.770.000 đồng (Bảy mươi chín triệu bảy trăm bảy mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

2. Chi phí tố tụng: Chi phí giám định nguyên đơn tự nguyện chịu (đã thực hiện xong).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Bùi Thị Đ và ông Nguyễn Văn Đ phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.988.500 đồng (Ba triệu chín trăm tám mươi tám ngàn năm trăm đồng).

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.994.250 đ (Một triệu chín trăm chín mươi bốn ngàn hai trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu số 0014237 ngày 15/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

4. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Bùi Thị Đ phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0021528 ngày 10/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Ngọt